VĂN BẢN HỢP NHẤT - NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 8 năm 2025.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng[1].

---

[1] Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có căn cứ ban hành như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty tài chính tổng hợp.

2. Công ty tài chính chuyên ngành.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tổ chức tín dụng nước ngoài tham gia góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng* (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng nước ngoài) bao gồm ngân hàng, công ty tài chính, tập đoàn tài chính.

2. Cổ đông góp vốn thành lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông của tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại thời điểm thành lập.

3. *Thành viên góp vốn* là doanh nghiệp Việt Nam, ngân hàng thương mại Việt Nam, tổ chức tín dụng nước ngoài góp vốn vào tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

4. *Hội nghị thành lập* là hội nghị của các cổ đông sáng lập, các thành viên sáng lập và các thành viên góp vốn khác có nhiệm vụ:

a) Thông qua dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; Đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng; Danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm các chức

---

"*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 14/2022/QH15;*

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng."

danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng phi ngân hàng nhiệm kỳ đầu tiên;

b) Bầu Ban trù bị, Trưởng Ban trù bị;

c) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

5. *Ban trù bị* là một nhóm người do các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu lựa chọn làm đại diện theo ủy quyền, thay mặt các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu triển khai các công việc liên quan đến việc đề nghị cấp Giấy phép. Ban trù bị phải có tối thiểu 02 thành viên trong đó có 01 thành viên là Trưởng ban.

6. *Đại hội thành lập* là đại hội của các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn được tổ chức sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) chấp thuận nguyên tắc việc thành lập, có nhiệm vụ:

a) Thông qua Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

b) Bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ đầu tiên theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;

c) Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát;

d) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

7. *Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép* là đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, được giao nhiệm vụ cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Điều 4. Hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được tổ chức dưới hình thức pháp lý theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 6 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được tổ chức dưới hình thức pháp lý là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do ngân hàng thương mại Việt Nam và doanh nghiệp Việt Nam góp vốn (trong đó một ngân hàng thương mại Việt Nam

sở hữu ít nhất 30% tổng số vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng) hoặc các ngân hàng thương mại Việt Nam góp vốn, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, bằng vốn góp của bên Việt Nam (gồm một hoặc nhiều ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam) và bên nước ngoài (gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài) trên cơ sở hợp đồng liên doanh, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do một tổ chức tín dụng nước ngoài làm chủ sở hữu hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do các tổ chức tín dụng nước ngoài góp vốn, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 5. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng được ghi trong Giấy phép, tối đa không quá 50 năm.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP

Điều 6. Giấy phép

1. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác trong Giấy phép cấp cho từng tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo mẫu Giấy phép tương ứng với từng loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại Phụ lục số 01, 02, 03, 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (bộ phận Một cửa) để đề nghị xem xét cấp bản sao Giấy phép từ bản gốc theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước cấp lại bản sao Giấy phép từ bản gốc cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Điều 7. Thủ tục cấp Giấy phép

1. Ban trù bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 10, Điều 11, các khoản 1, 2, 3 Điều 12, các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 13 Thông tư này và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (bộ phận Một cửa) hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có)[2].

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trù bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ.

2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trù bị, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ban trù bị lập các văn bản bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 12, khoản 8 Điều 13 Thông tư này và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (bộ phận Một cửa) hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có)[3]. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản bổ sung thì văn bản chấp thuận nguyên tắc đương nhiên không còn giá trị.

---

[2] Cụm từ "hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có)" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

[3] Cụm từ "hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có)" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản gửi Ban trù bị về việc đã nhận đầy đủ văn bản bổ sung.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản gửi Ban trù bị, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

Điều 8. Nộp lệ phí cấp Giấy phép

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nộp lệ phí cấp Giấy phép tại Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) hoặc thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Mức lệ phí cấp Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

Điều 9. Điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính đối với tổ chức tín dụng nước ngoài khi đề nghị cấp Giấy phép

Khi đề nghị cấp Giấy phép, tổ chức tín dụng nước ngoài là thành viên sáng lập, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính sau đây:

1. Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

2. Kinh doanh có lãi trong 03 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.

Điều 10. Nguyên tắc lập hồ sơ

1. Các văn bản tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phải do Trưởng Ban trù bị ký và các văn bản lập theo các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này là bản gốc; các văn bản khác là bản sao có chứng thực, trừ trường hợp Thông tư này có quy định khác. Các văn bản do Trưởng Ban trù bị ký phải có tiêu đề "Ban trù bị thành lập và tên dự kiến tổ chức tín dụng phi ngân hàng".

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong nước được lập 01 bộ bằng tiếng Việt, trừ trường hợp Thông tư này có quy định khác.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài được lập thành 02 bộ (01 bộ bằng tiếng Việt và 01 bộ bằng tiếng Anh), trừ trường hợp Thông tư này có quy định khác, trong đó:

a) Bộ hồ sơ tiếng Anh phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ các tài liệu sau đây:

(i) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính gửi trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Các báo cáo tài chính được lập trực tiếp bằng tiếng Anh;

(iii) Các văn bản khác được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự.

b) Các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam, trừ tài liệu quy định tại điểm c khoản này;

c) Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật;

d) Các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) được lập tại Việt Nam không cần phải dịch ra tiếng Anh.

4. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

5. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.

6.[4] Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có), hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

---

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

7.[5] Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF).

Điều 11. Hồ sơ chung đề nghị cấp Giấy phép

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép do các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này), bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Sự cần thiết thành lập;

b) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập, loại hình, tên tỉnh/thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động và khả năng đáp ứng các điều kiện hoạt động ngân hàng quy định đối với loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập theo quy định của pháp luật;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến, trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

(i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

(ii) Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát;

(iii) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức.

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác trong quá trình hoạt động;

---

[5] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

g) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai; các giải pháp về đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống công nghệ thông tin;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

h) Khả năng phát triển bền vững trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường, trong đó chứng minh được lợi thế khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, đối tượng khách hàng, trong đó phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

i) Hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động và yêu cầu của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau đây: Quy định về tổ chức

và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành; Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được chủ sở hữu phê duyệt bao gồm tối thiểu các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này (trừ điểm a, điểm c) đối với trường hợp chủ sở hữu là ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

5. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Phiếu lý lịch tư pháp:

(i) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

(ii) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trưởng Ban trù bị phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có

thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

(iii) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm b (i) và b (ii) phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng;

Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã)[6];

c) Các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

d) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

6. Biên bản cuộc họp hội nghị thành lập của cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu về việc lựa chọn Ban trù bị, Trưởng Ban trù bị, thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng và phê duyệt danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến và lựa chọn Ban trù bị, Trưởng Ban trù bị.

---

[6] Cụm từ "Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);" được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần

1. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

2. Danh sách các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hồ sơ của cổ đông góp vốn thành lập:

a) Đối với cá nhân:

(i) Đơn mua cổ phần theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này;

(iii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã; Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã)[7];

- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo tài chính của doanh nghiệp mà cổ đông sáng lập là người quản lý trong ít nhất 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc

---

[7] Cụm từ "Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);" được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

bản sao bằng đại học, trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

b) Đối với tổ chức:

(i) Đơn mua cổ phần theo mẫu quy định tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này;

(iii) Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật;

(iv) Điều lệ tổ chức và hoạt động;

(v) Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

(vi) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch của người được cử đại diện phần vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Phiếu lý lịch tư pháp của người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);[8]

---

[8] Cụm từ "Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm

- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

- Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức theo Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này; Văn bản Xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức.

4. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trù bị phải nộp bổ sung các văn bản sau:

a) Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Đại hội thành lập thông qua;

b) Biên bản và Nghị quyết của Đại hội thành lập về việc thông qua Điều lệ, bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

c) Biên bản họp Hội đồng quản trị về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát;

---

nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);" được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

d) Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

đ) Văn bản của một ngân hàng thương mại Việt Nam nơi Ban trù bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của các cổ đông góp vốn thành lập;

e) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở chính;

g) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm i(ii) khoản 3 Điều 11 Thông tư này đã được Đại hội thành lập, Hội đồng quản trị thông qua;

h) Báo cáo của cổ đông sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam về việc tuân thủ các quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn

1. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

2. Danh sách các thành viên sáng lập, thành viên góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hợp đồng liên doanh có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật và phải có tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh;

b) Tên, địa chỉ của các bên tham gia liên doanh và người đại diện theo pháp luật của các bên liên doanh;

c) Thời hạn hoạt động của liên doanh;

d) Vốn điều lệ, tỷ lệ góp vốn, mức vốn góp của mỗi bên, phương thức góp vốn, tiến độ góp vốn điều lệ;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên liên doanh;

e) Số lượng và tỷ lệ thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của các bên trong liên doanh;

g) Dự kiến số phòng ban và số lượng cán bộ, nhân viên thời gian đầu của mỗi bên (số người mang quốc tịch Việt Nam, số người mang quốc tịch nước ngoài);

h) Các nguyên tắc về hạch toán, kế toán, báo cáo, lập và sử dụng các quỹ; việc phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Thủ tục giải quyết những tranh chấp giữa các bên phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng liên doanh, thủ tục thanh lý, giải thể, sáp nhập và hợp nhất của tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh;

k) Các điều kiện để sửa đổi, bổ sung hợp đồng liên doanh;

Hợp đồng liên doanh phải do đại diện hợp pháp của các bên liên doanh ký tắt vào từng trang và ký đầy đủ vào cuối hợp đồng.

4. Hợp đồng thỏa thuận góp vốn giữa các thành viên sáng lập đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn.

5. Hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam (trừ trường hợp chủ sở hữu quy định tại khoản 6 Điều này):

a) Hồ sơ quy định tại điểm b(vi) khoản 3 Điều 12 Thông tư này, trừ Đơn mua cổ phần;

b) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của chủ sở hữu, thành viên sáng lập cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

6. Hồ sơ đối với chủ sở hữu là ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

a) Văn bản ủy quyền người đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật;

b) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức theo Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này; Xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức;

c) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này, Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm thành lập doanh nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã).[9]

7. Hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài:

a) Hồ sơ quy định tại điểm b (iii), b (iv), b (v) khoản 3 Điều 12 Thông tư này và các hồ sơ sau:

(i) Sơ yếu lý lịch của người được cử đại diện phần vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) Phiếu lý lịch tư pháp của người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp thì Trưởng Ban trù bị phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

Người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích;

---

[9] Cụm từ "Người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã)." được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);[10]

(iii) Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này;

(iv) Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng nước ngoài là Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

(v) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của chủ sở hữu, thành viên sáng lập cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

b) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh và tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam. Trường hợp pháp luật nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính quy định cơ quan có thẩm quyền không có chức năng cấp văn bản này thì phải có bằng chứng xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính hoặc văn bản pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính quy định về vấn đề này, được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cung cấp thông tin về tổ chức tín dụng nước ngoài như sau:

---

[10] Cụm từ "Người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);" được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

(i) Nội dung hoạt động đã được cấp phép tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(ii) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iii) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Tình hình tuân thủ các quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

d) Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm (bao gồm thứ hạng tín nhiệm và triển vọng của thứ hạng tín nhiệm) đối với tổ chức tín dụng nước ngoài trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

đ) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài;

e) Văn bản cam kết của chủ sở hữu, các thành viên sáng lập về việc:

(i) Sẵn sàng hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

(ii) Bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn hoạt động theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

8. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trù bị phải nộp bổ sung các văn bản sau:

a) Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Hội đồng thành viên thông qua;

b) Văn bản của một ngân hàng thương mại Việt Nam nơi Ban trù bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của chủ sở hữu, các thành viên sáng lập;

c) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở chính;

d) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm I (ii) khoản 3 Điều 11 Thông tư này đã được Hội đồng thành viên thông qua;

đ) Báo cáo của ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam hoặc báo cáo của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt về việc tuân thủ các quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

e) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đánh giá tổ chức tín dụng nước ngoài tuân thủ các quy định đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập tại Nghị định của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

g) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản này, Ban trù bị thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải nộp bổ sung các văn bản sau đây:

(i) Quyết định của chủ sở hữu về việc bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

(ii) Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát;

h) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản này, Ban trù bị thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải nộp bổ sung các văn bản sau đây:

(i) Biên bản và Nghị quyết của Đại hội thành lập về việc thông qua Điều lệ, bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát;

(ii) Biên bản họp Hội đồng thành viên thông qua các nội dung về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát;

(iii) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 14. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép:

a) Làm đầu mối tiếp nhận và phối hợp với các đơn vị liên quan của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập dự định đặt trụ sở chính[11] (sau đây gọi tắt Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lần đầu; trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự định đặt trụ sở chính, Bộ Công an (nếu cần thiết); trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc hoặc không chấp thuận thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng; trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoặc không cấp Giấy phép cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo Giấy phép, thông tin về người đại diện pháp luật của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy

---

[11] Cụm từ "Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập dự định đặt trụ sở chính" được thay bằng cụm từ "Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập dự định đặt trụ sở chính" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

phép có văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và có văn bản gửi Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nhận thông báo của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Các tổ chức tín dụng; chỉ đạo giám sát thực hiện và đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; đình chỉ việc khai trương hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng khi không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước

Các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp trong công tác cấp Giấy phép theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hồ sơ cấp Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Ban trù bị theo quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin cung cấp.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[12]

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2024.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

---

[12] Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025 quy định như sau:

"Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 8 năm 2025./."

Phụ lục số 01
MẪU GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-NHNN	*Hà Nội, ngày… tháng… năm…*

GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TÀI CHÍNH... (*)
THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số.../2024/TT-NHNN ngày… tháng… năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính...(*) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Thủ trưởng Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thành lập Công ty tài chính….....……(*) như sau:

1. Tên Công ty tài chính:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:….....……;

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):….....;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:…….....……;

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):.....…;

- Tên giao dịch (nếu có):….....……

2. Địa chỉ trụ sở chính:….....……

Điều 2. Vốn điều lệ của Công ty tài chính……(*) là..... (bằng chữ:….……)

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty tài chính.....…..... (*) là……..… năm.

Điều 4. Nội dung hoạt động (**)

Công ty tài chính…….(*) được thực hiện các hoạt động của công ty tài chính tổng hợp theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi để huy động vốn của tổ chức.

3. Cho vay.

4. Bảo lãnh ngân hàng.

5. Chiết khấu, tái chiết khấu.

6. Phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán, cho thuê tài chính.

7. Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

8. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

9. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.

10. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

11. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

12. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.

13. Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

14. Mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối (đối với công ty tài chính được phép thực hiện hoạt động phát hành thẻ tín dụng).

15. Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng.

16. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

17. Các hoạt động kinh doanh khác:

a) Nhận vốn ủy thác của tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động cấp tín dụng được phép; ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng khác thực hiện hoạt động cấp tín dụng của công ty tài chính tổng hợp đó;

b) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp, công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;

c) Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối;

d) Cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản của khách hàng;

đ) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán;

e) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.

g) Phát hành trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;

h) Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

18. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Công ty tài chính…(*) phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 7. Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính…..... (*) được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Công ty tài chính…….... (*); một (01) bản gửi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một (01) bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, một (01) bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính… (*)).

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- UBND tỉnh/TP……;
- Lưu: VP, Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

THỐNG ĐỐC

(*) Tên công ty tài chính đề nghị thành lập.
(**) Căn cứ vào nội dung hoạt động ghi trong đơn đề nghị thành lập để quy định cho phù hợp.

Phụ lục số 02

MẪU GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TÀI CHÍNH BAO THANH TOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-NHNN	*Hà Nội, ngày… tháng… năm …*

GIẤY PHÉP

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TÀI CHÍNH…(*)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số.../2024/TT-NHNN ngày… tháng… năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính...(*) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Thủ trưởng Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thành lập Công ty tài chính…….....…(*) như sau:

1. Tên Công ty tài chính:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:…….....;

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):….....;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:….....……;

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):….....;

- Tên giao dịch (nếu có):….....……

2. Địa chỉ trụ sở chính:….....……

Điều 2. Vốn điều lệ của Công ty tài chính….....…(*) là..... (bằng chữ: …….....)

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty tài chính…..... (*) là…..…… năm.

Điều 4. Nội dung hoạt động (**)

Công ty tài chính.....… (*) được thực hiện các hoạt động của công ty tài chính bao thanh toán theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi để huy động vốn của tổ chức.

3. Cho vay.

4. Chiết khấu, tái chiết khấu.

5. Bao thanh toán

6. Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.

9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.

12. Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

13. Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng.

14. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

15. Các hoạt động kinh doanh khác:

a) Nhận vốn ủy thác để thực hiện hoạt động cấp tín dụng được phép;

b) Ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng khác thực hiện hoạt động cho vay, cấp tín dụng chính của công ty tài chính chuyên ngành đó;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành trong nước, công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương

d) Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối;

đ) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

e) Đối với công ty tài chính bao thanh toán được thực hiện dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán;

g) Phát hành trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;

h) Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

16. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Công ty tài chính…….. (*) phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 7. Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính……..… (*) được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Công ty tài chính…… (*); một (01) bản gửi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một (01) bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, một (01) bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính……...… (*)).

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- UBND tỉnh/TP……;
- Lưu: VP, Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

THỐNG ĐỐC

(*) Tên công ty tài chính đề nghị thành lập.
(**) Căn cứ vào nội dung hoạt động ghi trong đơn đề nghị thành lập để quy định cho phù hợp.

Phụ lục số 03

MẪU GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TÀI CHÍNH TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-NHNN	*Hà Nội, ngày… tháng… năm …*

GIẤY PHÉP

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TÀI CHÍNH…(*)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số.../2024/TT-NHNN ngày … tháng … năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính.....(*) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Thủ trưởng Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thành lập Công ty tài chính.....…… (*) như sau:

1. Tên Công ty tài chính:.....

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:…….....……;

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):….....;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:…….....…;

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):….....;

- Tên giao dịch (nếu có):….....……

2. Địa chỉ trụ sở chính:…….....…

Điều 2. Vốn điều lệ của Công ty tài chính……(*) là..... (bằng chữ:…..…)

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty tài chính…..... (*) là…… năm.

Điều 4. Nội dung hoạt động (**)

Công ty tài chính… (*) được thực hiện các hoạt động của công ty tài chính tín dụng tiêu dùng theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi để huy động vốn của tổ chức.

3. Cho vay.

4. Chiết khấu, tái chiết khấu.

5. Phát hành thẻ tín dụng.

6. Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.

9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.

12. Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

13. Mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối (đối với công ty tài chính được phép thực hiện hoạt động phát hành thẻ tín dụng).

14. Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng.

15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

16. Các hoạt động kinh doanh khác:

a) Nhận vốn ủy thác để thực hiện hoạt động cấp tín dụng được phép;

b) Ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng khác thực hiện hoạt động cho vay, cấp tín dụng chính của công ty tài chính chuyên ngành đó;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành trong nước, công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

d) Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối;

đ) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

e) Phát hành trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;

g) Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

17. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Công ty tài chính…(*) phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 7. Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính… (*) được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Công ty tài chính… (*); một (01) bản gửi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một (01) bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, một (01) bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính… (*).

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- UBND tỉnh/TP……;
- Lưu: VP, Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

THỐNG ĐỐC

(*) Tên công ty tài chính đề nghị thành lập.

(**) Căn cứ vào nội dung hoạt động ghi trong đơn đề nghị thành lập để quy định cho phù hợp.

Phụ lục số 04
MẪU GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-NHNN	*Hà Nội, ngày… tháng… năm …*

GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH…(*)
THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số…../2024/TT-NHNN ngày… tháng… năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính...(*) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Thủ trưởng Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thành lập Công ty cho thuê tài chính…..... (*) như sau:

1. Tên Công ty cho thuê tài chính:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:…….....……;

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):….....;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:…….....;

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):.....…;

- Tên giao dịch (nếu có):….....……

2. Địa chỉ trụ sở chính:…….....…

Điều 2. Vốn điều lệ của Công ty cho thuê tài chính….....…(*) là……..…
(bằng chữ:….....…….....……)

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty cho thuê tài chính… (*) là…… năm.

Điều 4. Nội dung hoạt động (**)

Công ty cho thuê tài chính… (*) được thực hiện các hoạt động của công ty cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi để huy động vốn của tổ chức.

3. Cho vay.

4. Mua và cho thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính.

5. Cho thuê tài chính.

6. Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.

9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.

12. Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

13. Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng.

14. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

15. Các hoạt động kinh doanh khác:

a) Nhận vốn ủy thác để thực hiện hoạt động cấp tín dụng được phép;

b) Ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng khác thực hiện hoạt động cho vay, cấp tín dụng chính của công ty tài chính chuyên ngành đó;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành trong nước, công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

d) Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối;

đ) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

e) Cho thuê vận hành khi đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật;

g) Phát hành trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;

h) Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

16. Bán các khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính cho các tổ chức và cá nhân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

17. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Công ty cho thuê tài chính …(*) phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 7. Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cho thuê tài chính…… (*) được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Công ty cho thuê tài chính…….… (*); một (01) bản gửi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một (01) bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, một (01) bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cho thuê tài chính……..……..… (*)).

THỐNG ĐỐC

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- UBND tỉnh/TP……;
- Lưu: VP, Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

(*) Tên công ty tài chính đề nghị thành lập.
(**) Căn cứ vào nội dung hoạt động ghi trong đơn đề nghị thành lập để quy định cho phù hợp.

Phụ lục số 05

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY... (*)

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số..../2024/TT-NHNN ngày… tháng… năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Căn cứ Biên bản Hội nghị thành lập ngày..... tháng..... năm.....;

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Công ty……...(*) thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu Công ty……....(*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng với các nội dung sau đây:

1. Hình thức pháp lý:

2. Tên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có)

- Tên giao dịch (nếu có)

3. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:

4. Nội dung hoạt động:

5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ:..... đồng Việt Nam (bằng chữ……...), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, hoặc số hộ chiếu, số định danh cá nhân	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty A				
2	Nguyễn Văn B				
3					

7. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký khai trương hoạt động và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Công ty...(*)

(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện hợp pháp ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

Phụ lục số 06
MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ảnh hộ chiếu (4 x 6)

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Nơi sinh:

- Số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay), làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng thương mại và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Mối quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng phi ngân hàng):

Kê khai mối quan hệ với người có liên quan.

6. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có/không cung cấp được thông tin này);

7. Tôi,……. xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

….., ngày… tháng… năm….

Người khai

(Ký và ghi rõ họ và tên)*

* Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Phụ lục số 07

DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG (THÀNH VIÊN) SÁNG LẬP, GÓP VỐN THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

STT (1)	Tên cổ đông, thành viên góp vốn (2)	Địa chỉ (3)	Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, hoặc số định danh cá nhân, số hộ chiếu (4)	Giá trị vốn góp (5)	Số cổ phần (6)	Loại cổ phần (7)	Tỷ lệ vốn góp (8)
I. Cổ đông (thành viên) sáng lập:							
Tổ chức							
1	Công ty A						
2							
Cá nhân							
3	Nguyễn Văn A						
4							
II. Cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập:							
Tổ chức							
5	Công ty B						
6							
Cá nhân							
7	Nguyễn Văn B						
8							

Trưởng Ban trù bị

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 08
MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI CÁ NHÂN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm.....

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trù bị thành lập Công ty...(*)

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)

- Ngày tháng năm sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp; quốc tịch; địa chỉ cư trú hiện nay (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Số điện thoại:

2. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:

- Thời gian nộp tiền:

3. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà cá nhân đang có vốn góp;

- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó.

4. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Công ty…….....(*) và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần;

c) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Công ty……..(*), các quy định nội bộ của Công ty…….(*) và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của những hồ sơ gửi kèm.

Người mua cổ phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

Phụ lục số 09
MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI TỔ CHỨC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm.....

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trù bị thành lập Công ty...(*)

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên tổ chức: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)

- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, do…….. cấp ngày... tháng... năm...:

- Vốn điều lệ:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại:…… Số Fax:……

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức:

- Số định danh cá nhân; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp, quốc tịch; địa chỉ cư trú hiện nay (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

3. Người được cử làm đại diện phần vốn góp của tổ chức tại Công ty……...(*):

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Quan hệ với tổ chức (trong trường hợp không làm việc cho tổ chức đó):

- Số định danh cá nhân, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp, quốc tịch; địa chỉ cư trú hiện nay (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Loại cổ phần:

- Giá trị:

- Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:

- Thời gian nộp tiền:

5. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà tổ chức đang có vốn góp;

- Số vốn đã góp, mua cổ phần và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó.

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Công ty……...(*) và các quy định của pháp luật có liên quan, (tên tổ chức đề nghị mua cổ phần) cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần;

c) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 (hai) năm liền kề trước thời điểm nộp đơn.

d) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Công ty...(*), các quy định nội bộ của Công ty..... (*) và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của những hồ sơ gửi kèm.

Người đại diện hợp pháp của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

Phụ lục số 10
BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Thông tin người kê khai

2. Người có liên quan

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng		Tỷ lệ góp vốn điều lệ thành lập Công ty…(*)
			Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng	Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Văn A	Người khai			
2	Nguyễn Thị B				
3	Công ty X				
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)	

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của cổ đông góp vốn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Họ và tên;

- Tên thường gọi;

- Ngày, tháng, năm sinh;

- Số định danh cá nhân; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp (đối với người có quốc tịch Việt Nam);

- Số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp; địa chỉ cư trú hiện nay (đối với người không có quốc tịch Việt Nam);

- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;

- Địa chỉ;

- Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.2. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.3. Cột (5): Ghi cụ thể tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng tại thời điểm đăng ký tham gia góp vốn thành lập Công ty..... (*)

2.4. Cột (6): Ghi cụ thể tỷ lệ vốn góp đăng ký, tham gia góp để thành lập Công ty..... ..... (*) căn cứ theo Phụ lục số 08, Phụ lục số 09 Thông tư này.

2.5. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

Phụ lục số 11
BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA CÁ NHÂN GÓP VỐN THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA CÁ NHÂN

1. Họ và tên:

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu:

4. Số tài khoản tại ngân hàng:

5. Nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh:

6. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng

- Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

- Địa chỉ:

- Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:

- Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:

- Dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:

- Dư nợ quá hạn tại thời điểm gần nhất:

- Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

+ Thời điểm: Tháng/năm

+ Thực trạng xử lý nợ xấu *(Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào)*:

..., ngày... tháng... năm...
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 12
BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA TỔ CHỨC GÓP VỐN THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA TỔ CHỨC

1. Tên tổ chức:

2. Mã số thuế:

3. Lĩnh vực kinh doanh:

4. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng

- Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

- Địa chỉ:

- Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:

- Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:

- Dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:

- Dư nợ quá hạn tại thời điểm gần nhất:

- Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

+ Thời điểm: Tháng/ năm

+ Thực trạng xử lý nợ xấu *(Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào)*:

..., ngày... tháng... năm...
Người đại diện hợp pháp của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 13
BÁO CÁO KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH THAM GIA GÓP VỐN TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG CỦA TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI LÀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: (1)……

1. Thông tin về tổ chức:

- Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)

- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, do… cấp ngày… tháng… năm…

- Vốn điều lệ

- Địa chỉ trụ sở chính

- Số điện thoại:…… Số Fax: …

- Người đại diện theo pháp luật:

2. Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập Công ty.....(*)

- A: Vốn chủ sở hữu (2).

- B: Tài sản dài hạn (3) trừ đi Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (4).

- C: Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập Công ty.....(*)

(C = A - B)

Kết luận: Đủ khả năng tài chính góp vốn thành lập Công ty..... (*)
(chỉ kết luận này khi C tối thiểu bằng mức vốn cam kết góp của tổ chức)

Ghi chú:

- (1): Gửi Ban trù bị.

- (2), (3), (4): Được lấy theo Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tổ chức góp vốn thành lập là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con, tổ chức góp vốn thành lập phải nộp báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán.

Người đại diện hợp pháp của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 14
VĂN BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ, BẢO HIỂM XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2024/TT-NHNN ngày 24/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:……../…….. *V/v cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm*	*….., ngày… tháng… năm…*

VĂN BẢN CAM KẾT ĐÃ THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ, BẢO HIỂM XÃ HỘI

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số...../2024/TT-NHNN ngày..… tháng...… năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Tên tổ chức:

Mã số thuế:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

Bằng văn bản này, *tên tổ chức* xin cam kết: Tính tới thời điểm hiện tại, *tên tổ chức* đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội với cơ quan nhà nước.

Tên tổ chức xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung tại cam kết này./.

Trân trọng cảm ơn./.

Đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Số: 15/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2025

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn